

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 19



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Chủ tịch
Ông Đặng Hoài Giang	Thành viên
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên
Ông Trần Duy An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/5/2016)
Bà Mạch Thị Tố Nga	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Lê Hữu Chí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Ngô Minh Thuận	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)
Ông Đới Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/5/2016)

Ban Giám đốc

Ông Đới Thanh Hải	Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Đới Thanh Hải
Giám đốc

Tp, HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016



Số: 096/VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 03 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán số 258/2016/BCKT-HCM.00462 ngày 21/3/2016 được phát hành với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến

Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		107.759.877.106	107.563.893.809
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	60.480.502.281	97.960.109.610
1. Tiền	111		3.377.502.281	4.652.333.829
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.103.000.000	93.307.775.781
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.987.365.096	9.351.906.282
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.217.615.940	7.848.106.208
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	39.772.890.316	1.517.802.116
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	19.873.490	62.402.288
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(23.014.650)	(76.404.330)
III. Hàng tồn kho	140	10	7.212.927	4.968.672
1. Hàng tồn kho	141		7.212.927	4.968.672
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.796.802	246.909.245
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		284.796.802	66.869.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	180.039.246
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.006.906.751	62.758.981.830
I. Tài sản cố định	220		61.006.906.751	62.758.981.830
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	61.006.906.751	62.758.981.830
- Nguyên giá	222		81.459.126.688	81.137.340.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.452.219.937)	(18.378.358.418)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		168.766.783.857	170.322.875.639

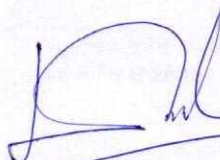
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	30/6/2016
			(Trình bày lại)	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.231.206.815	7.066.957.596
I. Nợ ngắn hạn	310		10.231.206.815	7.066.957.596
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.288.778.363	242.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	320.383.577	361.850.442
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	26.540.369	292.572.708
4. Phải trả người lao động	314		378.347.786	273.743.594
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	-	5.216.834.132
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	17.500.000	536.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		199.656.720	143.956.720
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.091.668.824	161.699.826.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	160.091.668.824	161.699.826.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		161.000.000.000	161.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.000.000.000	161.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.995.410.146	1.995.410.146
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.903.741.322)	(1.295.583.885)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.947.188.143)	(2.915.264.367)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.043.446.821	1.619.680.482
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		170.322.875.639	168.766.783.857



Nguyễn Thị Ngọc Thạch
 Người lập biểu



Nguyễn Văn Hậu
 Kế toán trưởng



Đới Thanh Hải
 Giám đốc

Tp, HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B 02a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 (chưa soát xét)	
			Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		11.495.311.557	9.611.395.489
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	18	11.495.311.557	9.611.395.489
3. Giá vốn hàng bán	11	19	10.746.477.758	7.430.771.229
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		748.833.799	2.180.624.260
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.293.171.175	393.762.475
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	1.187.252.367	417.070.703
7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.854.752.607	2.157.316.032
8. Thu nhập khác	31		345.178	69.412
9. Chi phí khác	32		5.203.816	5.000.003
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.858.638)	(4.930.591)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.849.893.969	2.152.385.441
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	230.213.487	-
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	14		1.619.680.482	2.152.385.441
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		146



Nguyễn Thị Ngọc Thạch
 Người lập biểu





Nguyễn Văn Hậu
 Kế toán trưởng

Đới Thanh Hải
 Giám đốc

Tp. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
		(chưa soát xét)	
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.849.893.969	2.152.385.441
2. Điều chỉnh cho các khoản		(272.699.336)	1.656.890.248
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.073.861.519	2.048.636.892
- Các khoản dự phòng	03	(53.389.680)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.293.171.175)	(391.746.644)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.577.194.633	3.809.275.689
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(37.408.945.930)	(2.869.352.357)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.244.255)	(2.216.394)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(3.338.762.706)	(3.066.469.094)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(217.926.803)	50.180.761
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(60.307.003)	(61.606.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.450.992.064)	(2.140.187.395)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(321.786.440)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	69.412
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.293.171.175	391.677.232
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.971.384.735	391.746.644
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	75.649.810.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	75.649.810.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(37.479.607.329)	73.901.369.249
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	97.960.109.610	21.037.875.285
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	60.480.502.281	94.939.244.534



Nguyễn Thị Ngọc Thạch
 Người lập biểu

Nguyễn Văn Hậu
 Kế toán trưởng

Đới Thanh Hải
 Giám đốc

Tp. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0309444635 ngày 22 tháng 9 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/6/2016 là 25 người (tại ngày 31/12/2015 là 24 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa cảng biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần, lấy mẫu, cân hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới thuê tàu biển.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa, nâng hạ container, lưu kho bãi, thu cảng phí, ...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016.

Các bên liên quan

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:
- Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé;
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Tài sản cố định khác	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông. Vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	742.332.500	355.218.600
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.635.169.781	4.297.115.229
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	57.103.000.000	93.307.775.781
Cộng	<u>60.480.502.281</u>	<u>97.960.109.610</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>1.904.720.343</u>	<u>2.314.809.208</u>
Công ty CP Đá An Hưng	635.715.688	1.020.428.278
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trường Lợi	331.303.500	-
Phải thu khách hàng khác	937.701.155	1.294.380.930
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>5.312.895.597</u>	<u>5.533.297.000</u>
Công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn	5.312.895.597	5.533.297.000
Cộng	<u>7.217.615.940</u>	<u>7.848.106.208</u>

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	(Phân loại lại) VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>39.772.890.316</u>	<u>1.517.802.116</u>
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Thiết kế số Một	1.517.802.116	1.517.802.116
Công ty CP Xây dựng Vận tải số Chín	21.251.945.000	-
Công ty CP Beton 6	10.557.030.000	-
Công ty CP Điện Cơ	2.928.000.000	-
Công ty CP TNHH Xây dựng Trường Xuân	2.076.000.000	-
Công ty CP Công Nghệ Giải pháp TT Tân Cảng	401.245.000	-
CN Công ty CP Tư vấn XD Công trình Hàng hải	845.000.000	-
Công ty CP Unico Vina	195.868.200	-
Cộng	<u>39.772.890.316</u>	<u>1.517.802.116</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. NỢ XẤU

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Mạnh Thông Đắk Nông	46.029.300	23.014.650	46.029.300	23.014.650
Công ty TNHH VTB và ĐT Phi Mã	106.779.360	106.779.360	106.779.360	53.389.680
Cộng	152.808.660	129.794.010	152.808.660	76.404.330

9. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	19.873.490	62.402.288
Cộng	19.873.490	62.402.288

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.212.927	-	4.968.672	-
Cộng	7.212.927	-	4.968.672	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu

Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DN****11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	75.221.027.313	5.916.312.935	-	81.137.340.248
- Mua trong kỳ	-	-	95.454.545	95.454.545
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	226.331.895	-	-	226.331.895
Tại ngày 30/6/2016	75.447.359.208	5.916.312.935	95.454.545	81.459.126.688
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	13.909.259.333	4.469.099.085	-	18.378.358.418
- Khấu hao trong kỳ	1.900.511.673	166.986.210	6.363.636	2.073.861.519
Tại ngày 30/6/2016	15.809.771.006	4.636.085.295	6.363.636	20.452.219.937
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	61.311.767.980	1.447.213.850	-	62.758.981.830
Tại ngày 30/6/2016	59.637.588.202	1.280.227.640	89.090.909	61.006.906.751

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮU

Khu phố 4, Phường Phú Hữu

Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***MẪU SỐ B 09a-DN****12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	242.000.000	242.000.000	1.468.896.441	1.468.896.441
Công ty CP TM XD và VT An Gia	-	-	170.521.249	170.521.249
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	-	-	1.286.329.192	1.286.329.192
Công ty TNHH Đông Nam TYRES	242.000.000	242.000.000	-	-
Công ty CP Xây dựng Vận tải Số Chín	-	-	8.046.000	8.046.000
Công ty TNHH Nhà hàng Vườn Dừa	-	-	4.000.000	4.000.000
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	7.819.881.922	7.819.881.922
Công ty TNHH MTV Cảng bến nghé	-	-	7.813.988.922	7.813.988.922
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	-	5.893.000	5.893.000
Cộng	242.000.000	242.000.000	9.288.778.363	9.288.778.363

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮUKhu phố 4, Phường Phú Hữu
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư Phước Sơn	107.183.200	107.183.200
Công ty TNHH Kwang Jin Việt Nam	-	167.860.000
Công ty TNHH Hoàng Đại Vương	167.402.700	-
Đối tượng khác	87.264.542	45.340.377
Cộng	<u><u>361.850.442</u></u>	<u><u>320.383.577</u></u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2016</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>30/6/2016</u>
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	592.146.010	529.786.789	62.359.221
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	230.213.487	-	230.213.487
Thuế thu nhập cá nhân	26.540.369	-	26.540.369	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u><u>26.540.369</u></u>	<u><u>825.359.497</u></u>	<u><u>559.327.158</u></u>	<u><u>292.572.708</u></u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	5.000.000.000	-
Chi phí bốc xếp	216.834.130	-
Cộng	<u><u>5.216.834.130</u></u>	<u><u>-</u></u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	536.000.000	17.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	536.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	17.500.000
Cộng	<u><u>536.000.000</u></u>	<u><u>17.500.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮUKhu phố 4, Phường Phú Hữu
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	85.350.190.000	1.995.410.146	(5.947.188.143)	81.398.412.003
Tăng vốn trong kỳ	75.649.810.000	-	-	75.649.810.000
Lãi trong năm trước	-	-	3.043.446.821	3.043.446.821
Số dư tại ngày 01/01/2016	161.000.000.000	1.995.410.146	(2.903.741.322)	160.091.668.824
Lãi trong kỳ này	-	-	1.619.680.482	1.619.680.482
Phạt truy thu thuế	-	-	(4.607.003)	(4.607.003)
Giảm khác (*)	-	-	(6.916.042)	(6.916.042)
Số dư tại ngày 30/06/2016	161.000.000.000	1.995.410.146	(1.295.583.885)	161.699.826.261

(*) Đây là khoản điều chỉnh giảm liên quan đến lỗi chênh lệch tỷ giá khoản mục phải thu khách hàng từ năm 2013.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 9 năm 2009, giấy phép điều chỉnh lần thứ 6 ngày 04 tháng 5 năm 2015, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số vốn thực góp của các cổ đông như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh			Vốn đã góp	
	Số cổ phiếu	VND	%	30/6/2016	01/01/2016
		VND		VND	VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	7.269.200	72.692.000.000	45,15%	72.692.000.000	72.692.000.000
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	5.815.400	58.154.000.000	36,12%	58.154.000.000	58.154.000.000
Công ty TNHH Container Sài Gòn	1.749.581	17.495.810.000	10,87%	17.495.810.000	17.495.810.000
Các cổ đông khác	1.265.819	12.658.190.000	7,86%	12.658.190.000	12.658.190.000
Cộng	16.100.000	161.000.000.000	100,00%	161.000.000.000	161.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮUKhu phố 4, Phường Phú Hữu
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn điều lệ (Tiếp theo)**

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 30/6/2016 như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	5.000.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.495.311.557	9.611.395.489
	<u>11.495.311.557</u>	<u>9.611.395.489</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>-</u>	<u>-</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>11.495.311.557</u>	<u>9.611.395.489</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng	5.000.000.000	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.746.477.758	7.430.771.229
Cộng	<u>10.746.477.758</u>	<u>7.430.771.229</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	682.595.050	181.742.739
Chi phí nhân công	1.222.319.208	940.217.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.073.861.519	2.048.636.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.323.823.227	4.157.384.164
Chi phí khác	631.131.121	519.860.275
Cộng	<u>11.933.730.125</u>	<u>7.847.841.932</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.293.171.175	391.677.232
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	2.085.243
Cộng	2.293.171.175	393.762.475

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	564.284.267	28.131.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.860.991	-
Thuế, phí và lệ phí	20.966.421	4.036.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.435.988	11.378.961
Chi phí dự phòng	(53.389.680)	-
Các khoản chi phí QLDN khác	607.094.380	373.524.560
Cộng	1.187.252.367	417.070.703

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.849.893.969	2.152.385.441
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(698.826.533)	(2.152.385.441)
<i>Trừ: Các khoản điều chỉnh</i>	-	(2.152.385.441)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	5.202.816	-
<i>Chuyển lỗ các năm trước (*)</i>	(704.029.349)	-
Thu nhập chịu thuế	1.151.067.436	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	230.213.487	-

(*) Đây là lỗ lũy kế còn được chuyển lỗ trong năm 2016 theo biên bản kiểm tra thuế của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.619.680.482	2.152.385.441
Điều chỉnh: trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	577.000.000	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.042.680.482	2.152.385.441
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	16.100.000	14.712.979
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	65	146
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

(*) Quỹ phúc lợi khen thưởng dự kiến phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 số 01/NQĐHĐCĐ ngày 19/5/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮUKhu phố 4, Phường Phú Hữu
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	5.000.000.000	-

Tại ngày 30/6/2016, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015</u> <u>đến 30/6/2015</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.000.000.000	10.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	220.000.000.000	130.000.000.000
Sau năm năm	1.900.217.687.500	2.000.217.687.500
Cộng	<u>2.130.217.687.500</u>	<u>2.140.217.687.500</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê cơ sở hạ tầng cảng biển theo hợp đồng số 01/HĐ/TCPH ngày 2/5/2015 ký với Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé, với thời hạn thuê 30 năm bắt đầu từ tháng 7/2015. Giá thuê tài sản được phân theo từng giai đoạn như sau:

- 02 năm đầu tiên: 10.000.000.000 đồng/ năm;
- 05 tiếp theo (từ năm thứ 4 đến hết năm thứ 8): 50.000.000.000 đồng/ năm;
- 05 tiếp theo (từ năm thứ 9 đến hết năm thứ 13): 65.000.000.000 đồng/ năm;
- Từ năm thứ 14 đến hết thời hạn hợp đồng thì cứ mỗi giai đoạn 05 năm sẽ tăng 15% so với giai đoạn liền kề trước.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông góp vốn
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Quản lý chủ chốt

Ngoài số dư với các bên liên quan đã trình bày ở Thuyết minh số 6 và 12, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan.

	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>
	VND
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	
Thanh toán phí hợp tác kinh doanh	2.313.988.922
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng ước tính	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	
Dự thu doanh thu thuê cơ sở hạ tầng cảng biển 6 tháng năm 2016	5.000.000.000
Thu dịch vụ	321.260.445
Thu tiền nước uống	9.564.818

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG – PHÚ HỮUKhu phố 4, Phường Phú Hữu
Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Riêng số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 chưa được soát xét. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Số sau phân loại lại</u>
	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	1.517.802.116	1.517.802.116
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.517.802.116	(1.517.802.116)	-

* Số liệu phân loại lại là các khoản ứng trước cho nhà thầu thi công các công trình cho Công ty.



Nguyễn Thị Ngọc Thạch
Người lập biểu




Nguyễn Văn Hậu
Kế toán trưởng

Đới Thanh Hải
Giám đốc



Tp. HCM, ngày 12 tháng 8 năm 2016

